

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03/11/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2023, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36 ngày 25/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

HKTT: Số nhà 10, ngõ 1, đường B, KDC NT1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: KDC PT, phường H, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 1, đường B, KDC NT1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Lưu Văn N, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường S ngày 23/02/2011,

hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà anh N chung sống. Vợ chồng hòa thuận được khoảng 3 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra do anh N giao du chơi với những đối tượng nghiện nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh N đánh đuổi chị nên cuối năm 2018 chị đã về nhà để sống ly thân đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin được ly hôn với anh Lưu Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012. Hiện con chung đang ở với anh N và gia đình bên nội. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H cũng muốn được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng còn tùy nguyện vọng của cháu Q và ý kiến của anh N. Nếu cháu Q muốn ở với anh N chị cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh N không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên chị H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, sớm đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn anh Lưu Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cô ý không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân thích là bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ anh N và hiện sống chung nhà) nhận thay theo quy định.

Tại Công văn số 28760/QLXNC-P5 ngày 28/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an: Theo thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh Lưu Văn N, sinh năm 1975, CMND số 142761311, hiện chưa có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại Bản tường trình và đề nghị ngày 12/10/2023 của anh Lưu Văn N thể hiện: Anh N và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức đăng ký tại UBND phường S ngày 23/02/2011, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị Huệ về nhà anh chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Sau đó chị H đi làm tại công ty ở Bắc Ninh thì vợ chồng mới nảy sinh mâu thuẫn, chị H đi làm ít khi ở nhà, khi về thì lại về nhà để tại KDC P, phường H ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị H có đơn khởi kiện ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị H; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Minh Q- sinh ngày

06/5/2012. Hiện con chung đang ở anh và gia đình bên nội tại Số nhà 10, ngõ 1, đường B, KDC NT1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung còn cấp dưỡng là tùy chị H vì thực tế từ năm 2018 đến nay con vẫn đang sống ổn định với anh; Về tài sản, công sức, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì điều kiện công việc nên anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho mẹ anh và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị G (là mẹ đẻ anh Lưu Văn N, mẹ chồng chị Nguyễn Thị H) cung cấp: Chị H và anh N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường S ngày 23/02/2011, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà bà chung sống cùng anh N. Quá trình chung sống cơ bản không có mâu thuẫn gì lớn, năm 2018 thì chị H đi làm công ty ở Bắc Ninh ít khi về nhà và chủ yếu về nhà đẻ tại KDC P, phường H Tiến bỏ lại chồng con không quan tâm, chăm sóc.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh N có 01 con chung là Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012. Hiện con cháu đang ở với anh N và gia đình bà tại KDC NT1, phường S.

Tại Biên bản ghi lời khai của cháu Lưu Minh Q, thể hiện: Cháu là Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012, hiện nay cháu đang học lớp 6 Trường THCS S. Cháu là con của bố Lưu Văn N và mẹ Nguyễn Thị H. Hiện nay cháu đang ở với bố và bà nội tại Số nhà 10, ngõ 1, đường B, KDC NT1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không sống chung cùng nhau thì nguyện vọng của cháu muốn ở với bố và bà nội để được tiếp tục đi học tại trường ở S. Nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lưu Văn N vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về

án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lưu Văn N; Về quan hệ con chung: Giao con chung Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012 cho anh Lưu Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012 là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 10/2023 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác và được quyền thăm nom con không ai được cản trở; Về tài sản, công sức, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết; Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn anh Lưu Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại khu dân cư NT1, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ.

Bị đơn anh Lưu Văn N có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND phường S ngày 23/02/2011, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh N thấy rằng: Từ khi kết hôn năm 2011, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 mới nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị H đi làm công ty xa nhà nhưng khi về lại về nhà để tại phường H sống không quan tâm lo lắng cho anh N và con; anh N

cũng không tìm đón chị H để vợ chồng đoàn tụ; khi chị H có đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án anh N cũng không đến làm việc, hòa giải có ý bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng và có ý gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án ly hôn với chị H của Tòa án mặc dù có quan điểm gửi cho Tòa án. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N tuy vẫn duy trì về mặt pháp lý nhưng thực tế không thể hiện sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Lưu Văn N.

[4] Về con chung: Xác định cháu Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012 là con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn N, hiện cháu Q đang sống ổn định cùng anh N và gia đình bên nội. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H cũng muốn được nuôi dưỡng con chung nhưng còn tùy ý kiến của anh N và nguyện vọng của cháu Q; anh Lưu Văn N vắng mặt, có quan điểm gửi cho Tòa án; cháu Lưu Minh Q có nguyện vọng muốn ở cùng anh N và gia đình bên nội và thực tế đã và đang ở ổn định từ năm 2018 đến nay. Vì vậy, cần giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Lưu Văn N vắng mặt, có quan điểm gửi cho Tòa án và để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của cháu Q cũng như sự tự nguyện của chị H nên ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 10/2023 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn và cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lưu Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Minh Q- sinh ngày 06/5/2012 cho anh Lưu Văn N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lưu Minh Q là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 10/2023 đến khi con đủ 18 tuổi thành niên hoặc có thay đổi khác và được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản, công sức, vay nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003899, ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Sao Đỏ (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách